

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN C  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-4-2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn  
và chia tài sản khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Việt Hùng.
2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Doãn Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về phần tài sản: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 19-5-2020); có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C;** địa chỉ trụ sở: Số 60, đường 30/4, Khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Duy T1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân S, chức vụ: Cán bộ tín dụng; có mặt.

3.2. Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở: Số 2, đường Láng H, phường Thành C1, quận Ba Đ1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T2, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Đức H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 27-12-2019); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Hoài P, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 07-7-2020); có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 3, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.4. Anh Doãn Văn T3, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Anh Doãn Văn T4, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18-5-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Doãn Văn Đ và Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về phần tài sản bà Đỗ Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ, chồng từ ngày 16-01-1987 âm lịch, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về tài chính trong gia đình, bà T quản lý hết tiền bạc, không tin tưởng nhau dẫn đến cự cãi, gây gổ, đánh nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn giữa ông và bà T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu tên Doãn Văn T3, sinh năm 1988 và Doãn Văn T4, sinh năm 1990. Nay các cháu T3 và T4 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, gồm có:

Phần đất thứ nhất: Diện tích 6.750 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 626, Hướng Tây giáp thửa đất số 629, 293, Hướng Nam giáp thửa đất số 293, Hướng Bắc giáp đường đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên (gọi tắt là phần đất thứ nhất). Tài sản trên phần đất này gồm: 01 căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1999, diện tích chiều ngang 4,25 m X chiều dài 13 m = 55,25 m<sup>2</sup>; 01 mái che, cột bê tông, kèo bằng sắt, mái lợp tole, diện tích về hướng Tây chiều ngang 4,25 m X chiều dài 21 m = 89,25 m<sup>2</sup>, diện tích về hướng Bắc chiều ngang 4,7 m X chiều dài 14 m = 65,8 m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2004; hàng rào kẽm lưới B40 có chân gạch xây dựng năm 2004: Nằm ở hướng Nam, có chiều cao 1,6 m X chiều dài 98,23 m (gồm các đoạn 65,29 m, 5,25 m, 27,69 m) = 157,16 m<sup>2</sup>; hàng rào kẽm lưới B40 không có chân gạch xây dựng năm 2004 nằm ở hướng Đông và hướng Bắc, cụ thể hàng rào hướng Đông có chiều cao 1,6 m X chiều dài 74,06 m = 118,49 m<sup>2</sup>, hàng rào hướng Bắc có chiều cao 1,6 m X chiều dài 97 m (gồm các đoạn 86 m, 11 m) = 155,2 m<sup>2</sup>; 01 cây mít 04 năm tuổi; 80 cây bưởi 01 năm tuổi.

Phần đất thứ hai: Diện tích theo GCNQSDĐ là 2.622,9 m<sup>2</sup>, diện tích theo Sơ đồ đăng ký biến động là 2.715,8 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 252 (thửa đất mới số 626), tờ bản đồ số 30 (tờ bản đồ mới số 60), tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 268, Hướng Tây giáp thửa đất số 630, Hướng Nam giáp thửa đất số 293, 268, Hướng Bắc giáp đường đất, do Ủy ban Nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên (gọi tắt là phần đất thứ hai). Phần đất này là đất trống.

Phần đất thứ ba: Diện tích chiều ngang 16 m X chiều dài 21 m, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông M1, Hướng Tây giáp đất ông Hai L, Hướng Nam giáp đất bà N, Hướng Bắc giáp đường đất đỏ. Nguồn gốc phần đất này là do ông và bà T nhận chuyển nhượng của bà H1 (tên gọi khác là G) từ năm 2010 nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2010. Ngoài ba phần đất và tài sản trên đất trên thì ông yêu cầu chia 05 con bò. Ngày 10-9-2020, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia phần đất thứ ba và tài sản trên đất, rút yêu cầu chia 05 con bò.

Về tài sản chung thì ông yêu cầu chia đôi nhưng do bà T cản trở không cho đo đạc, định giá và bà Tâm đã có nhà ở, sinh sống trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà H1, ông đang sinh sống trên phần đất thứ nhất nên ông yêu cầu

được chia toàn bộ phần đất thứ nhất và tài sản trên phần đất thứ nhất, bà T được chia phần đất thứ hai. Ai được chia giá trị nhiều hơn thì có nghĩa vụ trả cho người kia giá trị chênh lệch.

Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C 150.000.000 đồng, thẻ chấp QSDĐ thứ nhất và nợ Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh 80.000.000 đồng, thẻ chấp QSDĐ thứ hai, tại phiên tòa ông Đ xác định lại nợ của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu chia đôi nợ chung.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày theo biên bản lấy lời khai duy nhất ngày 20-7-2020 tại BL số 84, 85, 86:*

Về hôn nhân: Bà và ông Doãn Văn Đ chung sống với nhau như vợ, chồng từ tháng 5-1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông Đ thường xuyên đánh đập bà vô cớ. Nay bà vẫn còn thương ông Đ nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Doãn Văn T3, sinh năm 1988 và Doãn Văn T4, sinh năm 1990. Nay các cháu T3 và T4 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có ba phần đất và tài sản trên đất như ông Đ trình bày. Hiện nay, ông Đ đang sinh sống trên phần đất thứ nhất, bà và 02 con đang sinh sống trên phần đất thứ ba. Đối với 05 con bò là tài sản của 02 con, không phải tài sản chung của bà và ông Đ.

Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C 150.000.000 đồng và nợ của bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 500.000.000 đồng, cả hai khoản vay này để lo sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình. Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là nợ riêng của ông Đ, ông Đ vay để làm gì thì bà không biết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông Đ thì bà yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung làm 04 phần cho bà, ông Đ và 02 con.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày:*

Ngày 26-6-2019, ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T cùng Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5705LAV201902693, số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi, hạn trả ngày 11-6-2021. Tài sản ông Đ và bà T thế chấp Ngân hàng là GCNQSDĐ số H02508, ngày cấp 19-5-

2009, nơi cấp Ủy ban Nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, diện tích thế chấp 2.622,9 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 252 (thửa đất mới số 626), tờ bản đồ số 30 (tờ bản đồ mới số 60), tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền lãi 4.424.657 đồng. Tính đến ngày 14-4-2021, ông Đ và bà T còn nợ Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 3.227.397 đồng, tổng cộng là 103.227.397 đồng. Nay, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh không yêu cầu khởi kiện ông Đ và bà T trả nợ vì ông Đ và bà T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng và khoản vay trên chưa đến hạn trả nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C trình bày:*

Ngày 28-10-2019, ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 192065/HĐTD với Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi bò, lãi suất vay trong hạn 12,775%, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, thời hạn vay 13 tháng từ ngày 28-10-2019 đến ngày 28-11-2020. Tài sản ông Đ và bà T thế chấp cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số CO 439481, tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 60, diện tích thế chấp 6.750 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho ông Đ và bà T đứng tên ngày 08-8-2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi 23.572.000 đồng. Ngày 24-11-2020, bà T có đơn gia hạn kỳ hạn trả nợ thêm 12 tháng, tức là đến ngày 28-11-2021 và được Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C chấp nhận. Tính đến ngày 14-4-2021, ông Đ và bà T còn nợ Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi 2.678.000 đồng, tổng cộng là 92.678.000 đồng. Nay, Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C không yêu cầu khởi kiện ông Đ và bà T trả nợ vì ông Đ và bà T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C và khoản vay trên chưa đến hạn trả nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T có vay tiền của bà nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng và lo cho con đi tù. Khi vay tiền mỗi lần trên 100.000.000 đồng thì có làm giấy vay tiền do bà T ký tên nhận nợ, ông Đ không nhận tiền vay và cũng không ký tên nhận nợ. Hiện nay, bà T còn nợ bà số tiền vay 500.000.000 đồng. Nay bà N không yêu cầu khởi kiện ông Đ, bà T trả nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Doãn Văn T3 và anh Doãn Văn T4 nhưng anh T3 và anh T4 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Doãn Văn T3, anh Doãn Văn T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9, 14, 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ, chồng. Việc chung sống giữa ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

+ Về con chung: Có 02 cháu tên Doãn Văn T3, sinh năm 1988 và Doãn Văn T4, sinh năm 1990 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông Đ và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Giao cho ông Đ phần đất diện tích 6.750 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 60 và tài sản trên đất; giao cho bà T phần đất diện tích 2.622,9 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 30. Ông Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà T.

+ Về nợ chung: Ông Đ và bà T mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền vay 190.000.000 đồng và lãi phát sinh khi Ngân hàng A và Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C có đơn yêu cầu giải quyết.

+ Đối với số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất phát sinh bà T đã trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C và Ngân hàng A trong quá trình giải quyết vụ án. Do không làm việc được với bà T sẽ được tách ra giải quyết trong vụ án khác khi bà T có yêu cầu khởi kiện.

+ Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 500.000.000 đồng sẽ được tách ra giải quyết trong vụ án khác, khi bà N có yêu cầu khởi kiện.

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là phần đất diện tích chiều ngang 16 m X chiều dài 21 m, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây

Ninh chưa được cấp GCNQSDĐ và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 05 con bò của ông Đ.

+ Về án phí: Ông Đ và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn, anh Doãn Văn T3 và anh Doãn Văn T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thu N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T, anh T3, anh T4 và bà N.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Doãn Văn Đ yêu cầu ly hôn và chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn.

[3] Về hôn nhân: Ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ, chồng sau ngày 03-01-1987, cụ thể ông Đ khai ông và bà T chung sống với nhau từ ngày 16-01-1987 âm lịch, bà T khai bà và ông Đ chung sống với nhau từ tháng 5-1987, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ, chồng. Việc chung sống giữa ông Đ và bà T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] Về con chung: Có 02 cháu tên Doãn Văn T3, sinh năm 1988 và Doãn Văn T4, sinh năm 1990 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông Đ và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Ông Đ và bà T đều xác định tài sản chung của ông, bà gồm, phần đất thứ nhất diện tích 6.750 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên, cũng như tài sản trên phần đất thứ nhất và phần đất thứ hai diện tích theo GCNQSDĐ là 2.622,9 m<sup>2</sup>, diện tích theo Sơ đồ đăng ký biến động là 2.715,8 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 252 (thửa đất mới số 626), tờ bản đồ số 30 (tờ bản đồ mới số 60), tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, do Ủy ban Nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định phần đất thứ nhất, thứ hai và tài sản trên đất là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của ông Đ và bà T nên ông Đ yêu cầu chia

đôi tài sản chung là có căn cứ. Bà T yêu cầu chia tài sản chung của bà T và ông Đ thành 04 phần cho bà T, ông Đ, anh T3 và anh T4 là không có căn cứ, bởi lẽ 02 phần đất trên đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Đ và bà T đứng tên đúng quy định của pháp luật; mặc khác bà T, anh T3, anh T4, không chứng minh được phần đất thứ nhất, thứ hai và tài sản trên đất có đóng góp công sức của anh T3 và anh T4.

[5.2] Ông Đ xin rút lại yêu cầu chia phần đất thứ ba diện tích chiều ngang 16 m X chiều dài 21 m, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, chưa được cấp GCNQSDĐ và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2010 và xin rút lại yêu cầu chia 05 con bò nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông Đ.

[5.3] Về giá trị tài sản tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không đến Tòa án làm việc nên không thỏa thuận được giá trị tài sản tranh chấp và người đại diện hợp pháp của ông Đ về phần tài sản có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản. Khi Tòa án phối hợp với Hội đồng định giá tài sản, chính quyền địa phương, cùng các đương sự để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất tranh chấp đến lần thứ hai nhưng bà T đều chống đối, cản trở không cho xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng định giá tài sản phải căn cứ vào bảng kê tài sản do ông Đ kê khai để tiến hành định giá tài sản tranh chấp. Theo kết quả định giá tài sản tranh chấp ngày 17-9-2020, có kết quả như sau:

Phần đất thứ nhất có giá trị là 30.000.000 đồng/ 1m ngang, dài hết đất X 97 m ngang = 2.910.000.000 đồng. Tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1999, mái lợp tole, không la phong, vách tường tô, nền gạch men, cửa sắt kính, diện tích chiều ngang 4,25 m X chiều dài 13 m = 55,25 m<sup>2</sup>, có giá trị là 17.017.000 đồng; 01 mái che, cột bê tông, kèo bằng sắt, mái lợp tole, diện tích về hướng Tây chiều ngang 4,25 m X chiều dài 21 m = 89,25 m<sup>2</sup>, diện tích về hướng Bắc chiều ngang 4,7 m X chiều dài 14 m = 65,8 m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2004, có giá trị là 7.721.500 đồng; hàng rào kẽm lưới B40 có chân gạch xây dựng năm 2004: Nằm ở hướng Nam, có chiều cao 1,6 m X chiều dài 98,23 m (gồm các đoạn 65,29 m, 5,25 m, 27,69 m) = 157,16 m<sup>2</sup>, có giá trị là 5.107.500 đồng; hàng rào kẽm lưới B40 không có chân gạch xây dựng năm 2004, nằm ở hướng Đông và hướng Bắc, cụ thể hàng rào hướng Đông có chiều cao 1,6 m X chiều dài 74,06 m = 118,49 m<sup>2</sup>, hàng rào hướng Bắc có chiều cao 1,6 m X chiều dài 97 m (gồm các đoạn 86 m, 11 m) = 155,2 m<sup>2</sup>, có giá trị là 3.010.500 đồng; 01 cây mít 04 năm tuổi có giá là 400.000 đồng/01 cây; 80 cây bưởi 01 năm tuổi có giá là 80.000 đồng/01 cây X 80 cây = 6.400.000 đồng (tất cả tài sản là công trình trên đất đã khấu hao niên hạn sử dụng). Tổng giá trị phần đất thứ nhất và tài sản trên đất có giá trị là 2.949.656.500 đồng.



Phần đất thứ hai có giá trị là 25.000.000 đồng/ 1m ngang, dài hết đất X 46,21 m ngang = 1.155.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp được định giá là 4.104.906.500 đồng.

Sau khi có kết quả định giá tài sản, Tòa án đã thông báo kết quả định giá tài sản cho các đương sự và ấn định thời hạn cho các đương sự có ý kiến về kết quả định giá nhưng các đương sự không có ý kiến nên kết quả định giá tài sản tranh chấp ngày 17-9-2020 có giá trị pháp lý.

[5.4] Về kết quả đo đạc: Do bà T chống đối cản trở nên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Thuận Thiên P1 (gọi tắt là Công ty đo đạc) không tiến hành đo đạc được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Sơ đồ Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh Tân C cung cấp (BL số 129, 130) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5.5] Xét ông Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung và có nguyện vọng được chia toàn bộ phần đất thứ nhất và tài sản trên phần đất thứ nhất, bà T được chia phần đất thứ hai. Ai được chia giá trị nhiều hơn thì có nghĩa vụ trả cho người kia giá trị chênh lệch. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đo đạc không tiến hành đo đạc được do bà T cản trở, chống đối; bà T, anh T3 và anh T4 đang sinh sống trên phần đất thứ ba, ông Đ đang sinh sống trên phần đất thứ nhất nên xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giá trị tài sản chung ông Đ và bà T được chia là 4.104.906.500 đồng : 2 bằng 2.052.453.000 đồng (đã làm tròn số). Do phần đất thứ nhất và tài sản trên phần đất thứ nhất ông Đ được chia có giá trị là 2.949.656.500 đồng chênh lệch so với giá trị bà T được chia phần đất thứ hai là 1.155.250.000 đồng nên ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà T giá trị tài sản chênh lệch là 2.052.453.000 đồng - 1.155.250.000 đồng = 897.203.000 đồng.

[6] Xét nợ chung:

[6.1] Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng số 5705LAV201902693, ngày 26-6-2019 và hợp đồng tín dụng số 192065/HĐTD, ngày 28-10-2019 thể hiện:

Ngày 26-6-2019, ông Đ, bà T vay của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền 100.000.000 đồng, thế chấp QSDĐ là phần đất thứ hai, thời hạn trả là ngày 11-6-2021. Đến nay, bà T đã trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền lãi là 4.424.657 đồng và ông Đ, bà T còn nợ Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 14-4-2021 là 3.227.397 đồng, tổng cộng là 103.227.397 đồng.

Ngày 28-10-2019, ông Đ, bà T vay của Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C số tiền 150.000.000 đồng, thế chấp QSDĐ là phần đất thứ nhất, thời hạn vay 13 tháng từ ngày 28-10-2019 đến ngày 28-11-2020, bà T có đơn gia hạn kỳ hạn trả nợ thêm 12 tháng, tức là đến ngày 28-11-2021. Đến nay, bà T đã trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 23.572.000 đồng và ông Đ, bà T còn nợ Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 14-4-2021 là 2.678.000 đồng, tổng cộng là 92.678.000 đồng.

Nay, ông Đ yêu cầu chia đôi 02 khoản vay trên nhưng Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh và Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C không yêu cầu khởi kiện ông Đ và bà T trả nợ vì ông Đ và bà T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng và Quỹ Tín dụng, đồng thời các khoản vay trên chưa đến hạn trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông Đ được chia phần đất thứ nhất là phần đất thế chấp cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C, bà T được chia phần đất thứ hai là phần đất thế chấp cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh và Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh không yêu cầu khởi kiện nên cần chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với ông Đ số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 192065/HĐTD, ngày 28-10-2019 cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C; chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5705LAV201902693, ngày 26-6-2019 cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, khi Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C và Ngân hàng A có yêu cầu khởi kiện và sẽ được tách ra giải quyết trong vụ án khác.

[6.2] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14-4-2021) thì tổng số tiền ông Đ và bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh và Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C là 195.905.397 đồng : 2 thì mỗi người có nghĩa vụ trả số tiền 97.952.500 đồng (đã làm tròn số). Do chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5705LAV201902693, ngày 26-6-2019 cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh chênh lệch nhiều hơn 5.274.500 đồng (97.952.500 đồng – 92.678.000 đồng) so với việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với ông Đ số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 192065/HĐTD, ngày 28-10-2019 cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không làm việc được với bà T và bà T không có yêu cầu khởi kiện nên số tiền chênh lệch nợ chung 5.274.500 đồng và số tiền bà T đã trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C 60.000.000 đồng tiền nợ gốc, 23.572.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 83.572.000

đồng, số tiền lãi bà T đã trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh 4.424.657 đồng, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6.3] Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đ và bà T phải chịu mỗi người là 1.250.000 đồng. Do ông Đ đã tạm ứng toàn bộ chi phí trên, nên cần buộc bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ số tiền 1.250.000 đồng.

[7.2] Về tiền chi phí đo đạc: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc 10.000.000 đồng để Công ty đo đạc sử dụng số tiền trên để thuê xe và một số chi phí khác nhưng do bà T chống đối, cản trở không cho đo đạc nên Công ty đo đạc không thực hiện được công việc và không hoàn trả lại chi phí tạm ứng đo đạc cho ông Đ. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc. Hội đồng xét thấy yêu cầu của ông Đ là phù hợp, bởi lẽ Công ty đo đạc không thực hiện được công việc là do lỗi của bà T chống đối, cản trở nên cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông Đ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[8.1] Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng, về chia tài sản chung là  $72.000.000 \text{ đồng} + ((2.052.453.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) \times 2\%) = 73.049.000 \text{ đồng}$ , tổng cộng là 73.349.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.925.000 đồng theo 02 biên lai số 0000630, số 0000631, cùng ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; ông Đ còn phải nộp 71.424.000 đồng.

[8.2] Bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T không hợp tác và không có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà T vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $72.000.000 \text{ đồng} + ((2.052.453.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) \times 2\%) = 73.049.000 \text{ đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157, 165, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ, chồng. Việc chung sống giữa ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên Doãn Văn T3, sinh năm 1988 và Doãn Văn T4, sinh năm 1990 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ông Doãn Văn Đ được chia và được quyền sở hữu, sử dụng: Phần đất diện tích 6.750 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở 200 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 6.550 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 626 dài 74,06 m, Hướng Tây giáp thửa đất số 629 dài 59,69 m, giáp thửa đất số 293 dài các đoạn 6,87 m, 5,83 m, Hướng Nam giáp thửa đất số 293 dài các đoạn 65,29 m, 5,25 m, 27,69 m, Hướng Bắc giáp đường đất dài các đoạn 86 m, 11 m, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên ngày 08-8-2018. Tài sản trên phần đất này gồm: 01 căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1999, mái lợp tole, không la phong, vách tường tô, nền gạch men, cửa sắt kính, diện tích chiều ngang 4,25 m X chiều dài 13 m = 55,25 m<sup>2</sup>; 01 mái che, cột bê tông, kèo bằng sắt, mái lợp tole, diện tích về hướng Tây chiều ngang 4,25 m X chiều dài 21 m = 89,25 m<sup>2</sup>, diện tích về hướng Bắc chiều ngang 4,7 m X chiều dài 14 m = 65,8 m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2004; hàng rào kẽm lưới B40 có chân gạch xây dựng năm 2004: Nằm ở hướng Nam, có chiều cao 1,6 m X chiều dài 98,23 m (gồm các đoạn 65,29 m, 5,25 m, 27,69 m) = 157,16 m<sup>2</sup>; hàng rào kẽm lưới B40 không có chân gạch xây dựng năm 2004, nằm ở hướng Đông và hướng Bắc, cụ thể hàng rào hướng Đông có chiều cao 1,6 m X chiều dài 74,06 m = 118,49 m<sup>2</sup>, hàng rào hướng Bắc có chiều cao 1,6 m X chiều dài 97 m (gồm các đoạn 86 m, 11 m) = 155,2 m<sup>2</sup>; 01 cây mít 04 năm tuổi; 80 cây bưởi 01 năm tuổi.

3.2. Bà Nguyễn Thị T được chia và được quyền sở hữu, sử dụng: Phần đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.622,9 m<sup>2</sup>, diện tích theo sơ đồ đăng ký biến động là 2.715,8 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, tại thửa đất số 252 (thửa đất mới số 626), tờ bản đồ số 30 (tờ bản đồ mới số 60), tọa lạc tại ấp

1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 268, dài các đoạn 59,98 m, 14,38 m, Hướng Tây giáp thửa đất số 630 dài 74,06 m, Hướng Nam giáp thửa đất số 268 dài 33,27 m, giáp thửa đất số 293 dài 6,34 m, Hướng Bắc giáp đường đất dài 46,21 m, do Ủy ban Nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T và ông Doãn Văn Đ đứng tên ngày 19-5-2009.

3.3. Ông Doãn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T giá trị tài sản chênh lệch là 897.203.000 đồng (tám trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Doãn Văn Đ chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông Doãn Văn Đ còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Doãn Văn Đ gồm yêu cầu chia phần đất diện tích chiều ngang 16 m X chiều dài 21 m, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất có 01 nhà cấp 4, xây dựng năm 2010 và yêu cầu chia 05 con bò. Ông Doãn Văn Đ có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

#### 4. Về nợ chung:

4.1. Chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với ông Doãn Văn Đ số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 192065/HĐTD, ngày 28-10-2019 cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C, khi Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C có yêu cầu khởi kiện và sẽ được tách ra giải quyết trong vụ án khác.

4.2. Chuyển giao nghĩa vụ trả nợ đối với bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5705LAV201902693, ngày 26-6-2019 cho Ngân hàng A, khi Ngân hàng A có yêu cầu khởi kiện và sẽ được tách ra giải quyết trong vụ án khác.

4.3. Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4.4. Đối với các khoản tiền bà Nguyễn Thị T đã trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C, khoản tiền bà Nguyễn Thị T đã trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh và số tiền chênh lệch của 02 khoản vay Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn Tân C, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh bà T không yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**5. Về chi phí tố tụng:** Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả lại cho ông Doãn Văn Đ số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng gồm tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.250.000 đồng và tiền tạm ứng chi phí đo đạc 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Doãn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chưa thi hành xong số tiền trên, thì bà Nguyễn Thị T còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**6. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

6.1. Ông Doãn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng, về chia tài sản chung là 73.049.000 đồng, tổng cộng là 73.349.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.925.000 đồng theo 02 biên lai số 0000630, số 0000631, cùng ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; ông Doãn Văn Đ còn phải nộp 71.424.000 đồng (bảy mươi một triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 73.049.000 đồng (bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lê Đức Dũng**